

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 99 /2020/HS-ST

Ngày: 18/5/2020

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hoa Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Khắc Hiếu

2. Ông Nguyễn Khoa Việt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Vương – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 17/2020/TLST-HS ngày 16 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2020/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị H, sinh năm: 1954; Trú tại: Thôn T 2, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: nông; Trình độ văn hóa: mù chữ; Dân tộc kinh, Quốc tịch Việt Nam, Tôn giáo không; Cha Nguyễn D (chết) và mẹ Lê Thị X (chết); chồng Nguyễn T(chết), có 06 con: lớn sinh năm 1972, nhỏ sinh năm 1982; Tiền án: Ngày 29/01/2015 bị TAND thành phố T xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. chấp hành xong vào ngày 26/9/2015; Ngày 25/4/2017, bị TAND TP. T xử phạt 09 tháng tù; ngày 16/8/2017 bị TAND huyện T xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt 01 năm 06 tháng tù. Chấp hành xong vào ngày 27/9/2018; Tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 03/02/2002 bị UBND xã A xử phạt hành chính 200.000đ về hành vi trộm cắp tài sản; Ngày 18/7/2003 bị TAND huyện X xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về hành vi trộm cắp tài sản; Ngày 30/10/2006 bị công an xã V xử phạt cảnh cáo về hành vi trộm cắp tài sản; Ngày 28/9/2007 bị TAND huyện T xử phạt 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản; Ngày 30/9/2008 bị TAND tp. T xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản; Ngày 15/10/2012 bị TAND thị xã

S xử phạt 06 tháng cải tạo không giam giữ; Ngày 26/9/2014 bị công an xã H xử phạt 2.000.000đ về hành vi trộm cắp tài sản; bị cáo tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

-Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị H: Luật sư Nguyễn N- Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Phú Yên.

-*Người bị hại:* Bà Nguyễn Thị Bích H1, sinh năm: 1971. Địa chỉ: đường L, phường N, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

-*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* -Ông Nguyễn Doãn N, sinh năm: 1947. Địa chỉ: đường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt

-Ông Huỳnh Hoài N, sinh năm: 1960. Địa chỉ: đường L, phường N, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 03/01/2020, bà Nguyễn Thị H điều khiển xe mô tô đến chợ trung tâm thành phố T. Khi ngang qua hàng cá thấy áo khoác bên phải của bà Nguyễn Thị Bích H1 có 01 cọc tiền cột bằng dây thun, bà H lén lút dùng tay phải thò vào túi phải của bà Nguyễn Thị Bích H1 lấy số tiền 3.200.000đ. Bà H tiêu sài còn lại 1.697.000đ. Đến ngày 08/01/2020 bà H quay lại trung tâm thành phố T thì bị người dân phát hiện và báo cáo công an phường 4.

Tại bản cáo trạng số 17/CT-VKS ngày 13/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T thực hành quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích tính chất và mức độ hành vi phạm tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H từ 09-12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu nên HĐXX không xét

Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho bị hại bà Nguyễn Thị Bích Hà số tiền 1.697.000đ.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị H giấy chứng minh nhân dân, 01 điện thoại di động Vettel màu đen.

Tịch thu sung công quỹ 01 xe máy và giấy đăng ký xe đứng tên Nguyễn Doãn N

Tịch thu tiêu hủy: 01 cái áo khoác, 01 quần dài, 01 mũ bảo hiểm vì không còn giá trị sử dụng.

Tại phiên tòa:

Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: bị cáo H có hoàn cảnh gia đình khó khăn, không hiểu biết pháp luật nên đã thực hiện hành vi phạm tội, mặc dù bị cáo có nhân thân xấu nhưng bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình, bị cáo khắc phục một phần thiệt hại và có nhiều chứng bệnh. Nên đề nghị Hội đồng xét áp dụng điểm h, s, p khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Mức hình phạt từ 06-09 tháng tù; Về vật chứng vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo 01 xe máy và giấy tờ xe; 01 điện thoại di động.

Theo Biên bản xác minh ngày 18/02/2020 (Bút lục 114) ông Nguyễn Doãn P trình bày: Cha ông Nguyễn Doãn N có xác nhận với ông P nội dung: chiếc xe 78H2-1666 do ông Nguyễn Doãn N đứng tên nhưng đã bán cách đây 10 năm, không nhớ bán cho ai nên không có liên quan gì.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Hoài N trình bày (Bút lục 112) như sau: ông có mua xe 78H2-1666 của người phụ nữ không rõ lai lịch với số tiền 2.500.000đ, không viết giấy tờ mua bán. Đến năm 2019, ông N bán xe này cho bà Nguyễn Thị H với số tiền 4.000.000đ cùng với giấy đăng ký xe. Nên cũng không có liên quan gì nữa

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như hồ sơ vụ án. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại. Đủ cơ sở để kết luận: Khoản 08 giờ 30 phút ngày 03/01/2020, bị cáo Nguyễn Thị H đã có hành vi lén lút trộm cắp của bà Nguyễn Thị Bích H với số tiền 3.200.000đ. Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị H đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như cáo trạng số 17/CT-VKS ngày 13/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T truy tố và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.1] Bị cáo lợi dụng sự sơ hở của người bị hại, không quản lý về tài sản nên đã có hành vi dùng tay phải thò vào túi áo của bị hại lấy số tiền 3.200.000đ để tiêu sài cá nhân. Xét hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, chẳng những trực tiếp xâm phạm tài sản của người khác mà còn gây mất trật tự trị an ở địa phương, bị cáo đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản nhưng chưa được xóa án tích mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, đây là tình tiết tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự . Do đó, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm minh để có tác dụng giáo dục riêng cho bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo thật thà khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại với số tiền 1.500.000đ và được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự giảm một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà sớm cải tạo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[2.2] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.3] Vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Cần trả lại 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 điện thoại di động Viettel cho bị cáo Nguyễn Thị H

Cần trả lại số tiền 1.697.000đ cho bị hại Nguyễn Thị Bích H

Tịch thu sung công quỹ chiếc xe máy và giấy đăng ký xe đứng tên Nguyễn Doãn N. Tịch thu tiêu hủy: 01 cái áo khoác, 01 mũ bảo hiểm, 01 quần dài màu xanh vì không còn giá trị sử dụng.

[3] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, h, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị H 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

Về vật chứng vụ án: Căn cứ vào Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

Tuyên: trả lại 01 giấy chứng minh nhân dân cho bị cáo Nguyễn Thị H (lưu giữ theo hồ sơ vụ án) và 01 điện thoại di động bàn phím hiệu Viettel màu đen.

Trả cho bị hại Nguyễn Thị Bích H số tiền 1.697.000đ (một triệu sáu trăm chín mươi bảy ngàn đồng).

Tịch thu sung công quỹ nhà nước: 01 xe mô tô biển số 78H2-1666 hiệu NOUVO màu đen, số khung 5VD13YA013320, số máy 5VD1-13320 và 01 đăng ký xe máy đứng tên ông Nguyễn Doãn N

Tịch thu tiêu hủy: 01 áo khoác vải màu đen có sọc đỏ, trắng; 01 quần dài màu xanh, trắng, đen, vàng, xám; 01 mũ bảo hiểm có ghi chữ Phú Thu vì không còn giá trị sử dụng

Theo biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố T và Chi cục thi hành án dân sự thành phố T ngày 23/3/2020; và Biên lai thu tiền số 0002139 ngày 13/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Về án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Thị H phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh P;
- VKSND TP. T;
- Chi cục THADS TP. T
- Công an TP. T;
- Sở Tư pháp tỉnh P;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Hoa Dung